

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ NĂM 2026

Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ năm 2026 như sau:

1. Chuyên ngành tuyển sinh: Môi trường và phát triển bền vững
2. Mã số: 9440301.04
3. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển
4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 05 nghiên cứu sinh
5. Kế hoạch tuyển sinh:

STT	Nội dung	Thời gian Đợt 1	Thời gian Đợt 2
1	Đăng ký dự thi	Từ 23/3/2026 đến 17/5/2026	Từ 13/7/2026 đến 27/9/2026
2	Công bố danh sách đủ điều kiện dự tuyển	Trước 30/5/2026	Trước 30/9/2026
3	Tổ chức xét tuyển	Trước 08/6/2026	Trước 19/10/2026
4	Thông báo điểm trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển	Trước 22/6/2026	Trước 09/11/2026
5	Nhập học	Trước 06/7/2026	Trước 23/11/2026

6. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

6.1. Đáp ứng các điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố như sau:

1. Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp (có bổ sung kiến thức và không có bổ sung kiến thức) với chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững (Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành).

* Ngành/nhóm ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:

- Nhóm ngành thuộc khối khoa học trái đất và sinh học: Nhóm ngành thuộc khối khoa học trái đất và sinh học: Sinh học (84201), Khoa học trái đất (84402), Khoa học môi trường (84403), Quản lý tài nguyên và môi trường (88501); Địa lý học (8310501), Khoa học hàng hải (8840106), Biến đổi khí hậu (8900202.01QTD), Biến đổi khí hậu và phát triển (8900202.02QTD), Bảo tồn thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững (8440306).

- Nhóm ngành Nông-Lâm nghiệp và Thủy sản: Nông nghiệp (86201), Lâm nghiệp (86202), Thủy sản (86203).

- Nhóm ngành công nghệ và kỹ thuật: Kỹ thuật môi trường (8520320), Hóa môi trường (8440120).

- Nhóm ngành thuộc khoa học xã hội và kinh tế: Phát triển bền vững (8310313), Kinh tế phát triển (8310105), Khoa học bền vững (8900203.01QTD)

** Ngành/nhóm ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức

- Nhóm ngành công nghệ và kỹ thuật: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống (85401), Kỹ thuật hóa học (8520301), Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu (8520305), Kỹ thuật vật liệu (8520309), Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212).

- Nhóm ngành thuộc khoa học xã hội và kinh tế: Kinh tế chính trị (8310102), Kinh tế đầu tư (8310104), Kinh tế quốc tế (8310106), Thống kê kinh tế (8310107), Xã hội học (8310301), Nhân học (8310302), Dân tộc học (8310310), Phát triển con người (8310315), Chính sách công (8340402), Du lịch (8810101).

*** Học phần bổ sung: 10 tín chỉ (4 học phần)

+ Bắt buộc: 6 tín chỉ (2 học phần)

+ Tự chọn: 4 tín chỉ (2 học phần)

- Các môn học bổ sung được trình bày trong bảng sau

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
I	Bắt buộc		6
1	EVS 6102	Nguyên lý Khoa học môi trường <i>Principles of Environmental Science</i>	3
2	EVS 6123	Khoa học bền vững <i>Sustainability Science</i>	3
II	Tự chọn		4/16
1	EVS 6108	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường <i>Environmental Quality Assessment and Control</i>	2
2	EVS 6222	Đa dạng sinh học và bảo tồn <i>Biodiversity and Conservation</i>	2
3	EVS 6232	Kinh tế môi trường <i>Environmental Economics</i>	2
4	EVS 6233	Sinh thái học hệ sinh thái <i>Ecosystem Ecology</i>	2
5	EVS 6238	Hệ sinh thái rừng và lâm nghiệp xã hội <i>Forest Ecosystems and Social Forestry</i>	2

6	EVS 6239	Hệ sinh thái đất ngập nước <i>Wetland Ecosystem</i>	2
7	EVS 6240	Sinh thái học nông nghiệp <i>Agricultural Ecology</i>	2
8	EVS 6242	Quản lý tổng hợp lưu vực <i>Integrated Watershed Management</i>	2

Mã số các ngành/nhóm ngành được liệt kê theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

6.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 1 và phụ lục 2 của Hướng dẫn này.

Lưu ý: Không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo tiến sĩ (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

6.3. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác

Thí sinh dự thi phải có ít nhất hai năm (24 tháng) hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày dự thi).

6.4. Thư giới thiệu

1. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

2. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển.

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

6.5. Đề cương nghiên cứu (Kèm theo Hồ sơ đăng ký):

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; gián lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cho nghiên cứu sinh có thể tham khảo tại Phụ lục 3.

6.6. Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

7. Đăng ký dự tuyển

- Thí sinh bắt buộc phải đăng ký dự tuyển trực tiếp tại cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời nộp 1 bộ hồ sơ (bản cứng) về Viện Tài nguyên và Môi trường.

- Thí sinh truy cập vào cổng đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Thí sinh nộp bản cứng hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) về Viện Tài nguyên và Môi trường:

- Thời gian khai báo thông tin trực tuyến và nhận hồ sơ (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện):

- Lệ phí thụ lý hồ sơ và xét tuyển: 1.560.000đ/thí sinh.

Thí sinh nộp trực tiếp lệ phí tuyển sinh bằng tiền mặt tại Viện Tài nguyên và Môi trường (theo địa chỉ nêu trên) hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Viện Tài nguyên và Môi trường với các thông tin sau:

Tên tài khoản: Viện Tài nguyên và Môi trường

Số tài khoản: 1028263582, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

8. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh bao gồm:

1) 01 Đơn đăng ký dự tuyển sau đại học (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác, nếu là thí sinh tự do thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

2) 01 Sơ yếu lí lịch (theo mẫu, dán ảnh, đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan công tác, nếu là thí sinh tự do thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

3) 01 Lý lịch khoa học (theo mẫu)

4) 01 bản sao có công chứng (không quá 06 tháng) các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học.
- Bằng tốt nghiệp thạc sĩ và bảng điểm cao học.
- Bằng/Chứng chỉ ngoại ngữ.

5) 01 bản sao công chứng (không quá 06 tháng) Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

6) 07 bản kê danh mục các công trình khoa học kèm theo 07 bản photocopy các công trình đó.

7) 07 bản Đề cương nghiên cứu (theo mẫu).

8) Thư giới thiệu của tối thiểu 01 nhà khoa học theo quy định).

9) 01 Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

10) 01 Bản minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyển dụng).

11) Giấy khám sức khỏe do bệnh viện ĐHQGHN hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố, Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ

12) 02 ảnh mới nhất cỡ 3 x 4 cm của thí sinh (ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh, chuyên ngành dự tuyển vào mặt sau mỗi ảnh) bỏ vào 01 phong bì.

13) 01 phong bì (có sẵn trong bộ hồ sơ) dán tem, ghi chính xác, cụ thể họ tên, địa chỉ người nhận thư. Nếu người nhận thư không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh.

Mọi chi tiết xin liên hệ: *Phòng Quản lý Tổng hợp, Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, 19 Lê Thánh Tông, phường Cửa Nam, Hà Nội.*

Điện thoại: 024.38253506; E-mail: cres@vnu.edu.vn.

Website: <http://cres.vnu.edu.vn/> (mục Đào tạo).

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Các Sở TN&MT;
- Các Sở KH&CN;
- Các Trường đại học, cao đẳng;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Lưu: VT, PQLTH, H10.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHQGHN**



Bùi Ngọc Quý

Phụ lục 1:

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương **Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

(Kèm theo thông báo tuyển sinh số /TB-TN&MT ngày tháng năm 2026 của Viện Tài nguyên và Môi trường)

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	59-75	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 4	ТРКИ-2	TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B1, DSD II (Viết/Nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4 và HSK K trung cấp	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Phụ lục 2:

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN
(Kèm theo thông báo tuyển sinh số /TB-TN&MT ngày tháng năm 2026 của Viện Tài nguyên và Môi trường)

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến tháng 03/2025 theo công bố mới nhất của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5.	Đại học Thái Nguyên
6.	Trường Đại học Cần Thơ
7.	Trường Đại học Hà Nội
8.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9.	Trường Đại học Vinh
10.	Trường Đại học Sài Gòn
11.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12.	Trường Đại học Trà Vinh
13.	Trường Đại học Văn Lang
14.	Trường Đại học Quy Nhơn
15.	Trường Đại học Tây Nguyên
16.	Học viện An ninh Nhân dân
17.	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18.	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
19.	Trường Đại học Thương mại
20.	Học viện Khoa học Quân sự
21.	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM

23.	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24.	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25.	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26.	Trường Đại học Ngoại thương
27.	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29.	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
30.	Trường Đại học Lạc Hồng
31.	Trường Đại học Đồng Tháp
32.	Trường Đại học Duy Tân
33.	Trường Đại học Phenikaa
34.	Học Viện Ngân hàng
35.	Trường ĐH Tài chính – Marketing
36.	Trường ĐH Thành Đông
37.	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38.	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận						
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL	PEIC	PTE Academic	VEPT
1.	Educational Testing Service (ETS)		√					
2.	British Council (BC)	√			√			
3.	International Development Program (IDP)	√						
4.	Cambridge ESOL	√		√				
5.	Pearson plc					√	√	√

3. Chứng nhận ngoại ngữ

STT	Cơ sở cấp chứng nhận	Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái	Tiếng Ả Rập
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√	√

4. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

Ghi chú: (*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2024 (trước thời điểm này là tổ chức Hán Bang, Trung Quốc)

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin, Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc (*)				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J-Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hà Quốc (NIIED)						√

